

THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ THUYẾT CỦA SINH VIÊN KHÓA ĐẠI HỌC 50 NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Trần Kim Tuyền*

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đánh giá thực trạng kết quả học tập và các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả học tập các môn lý thuyết của sinh viên khóa Đại học 50, Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh như: Chương trình đào tạo; đặc điểm giáo viên; điều kiện cơ sở vật chất; nhận thức của sinh viên với việc tự học môn lý thuyết và thực trạng sử dụng thời gian tự học của sinh viên. Kết quả đánh giá thực trạng là cơ sở quan trọng để tác động các giải pháp nâng cao kết quả học tập các môn lý thuyết cho đối tượng nghiên cứu.

Từ khóa: Yếu tố ảnh hưởng, kết quả học tập, môn lý thuyết, Đại học khóa 50, Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Reality of influencing factors and performance of learning theoretical subjects by students of university course 50 in Physical Education Branch at Bac Ninh Sports University

Summary:

By using the common research methods, we have evaluated the real situation of the performance and the factors affecting the performance of learning theoretical subjects by students of university course 50 in Physical Education Branch at Bac Ninh Sports University, such as training program, teacher characteristics, facility conditions, students' perceptions of self-study in theoretical subjects and reality of using their self-study time. The result of the assessment is an important basis for the impact of solutions to improve the theoretical subject performance for the research subjects.

Keywords: Influencing factors, performance, theoretical subjects, university course 50, Physical Education Branch, Bac Ninh Sports University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, kết quả học tập các môn lý thuyết của sinh viên khoa GDTC nói chung và sinh viên khóa ĐH 50 nói riêng không cao. Mặc dù nhà trường cũng như các bộ môn đã áp dụng nhiều biện pháp nâng cao chất lượng học tập cho các em như: Cải tiến chương trình các môn học, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, cải tiến hình thức kiểm tra, đánh giá... nhưng kết quả các môn học lý thuyết chưa được cải thiện đáng kể.

Với mong muốn nâng cao chất lượng học tập các môn lý thuyết của sinh viên ngành GDTC Trường đại học TDTT Bắc Ninh nhằm đào tạo cử nhân TDTT sau khi ra trường có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội, từ đó triển khai áp dụng cho sinh viên toàn trường. Để tạo tiền đề cho việc lựa chọn những biện pháp

nâng cao hiệu quả học tập các môn lý thuyết cho sinh viên khóa đại học 50 Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng và kết quả học tập các môn lý thuyết của sinh viên khóa Đại học 50 ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn tọa đàm; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp kiểm tra sự phạm; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng kết quả học tập các môn lý thuyết năm thứ nhất của sinh viên khóa ĐH 50 Ngành GDTC Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

*TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh; Email: kt75psilat@gmail.com

Chúng tôi tiến hành thống kê và tổng hợp kết quả học tập các môn lý thuyết năm thứ nhất khoá ĐH 50 ngành GDTC. Kết quả thu được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng kết quả học tập việc học lý thuyết năm học thứ nhất khoá ĐH 50 Ngành GDTC

Giới tính	Số lượng	Nội dung	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình khá	Trung bình	Yếu	Kém
Nam	355	m _i	0	5	29	68	113	59	81
		%	0	1.41	8.17	19.15	31.83	16.62	22.82
Nữ	73	m _i	0	4	25	29	10	3	2
		%	0	5.48	34.25	39.73	13.70	4.11	2.74
Tổng	428	m _i	0	9	54	97	123	62	83
		%	0	2.10	12.62	22.66	28.74	14.49	19.39

Qua bảng 1 cho thấy, kết quả học tập lý thuyết ở năm thứ nhất của sinh viên khoá ĐH 50 ngành GDTC còn rất hạn chế, cụ thể: Số sinh viên đạt loại khá giỏi chỉ chiếm 14.72%, số sinh viên đạt loại trung bình khá chiếm 22.66%, trong khi đó số sinh viên đạt loại yếu, kém chiếm tới 33.88%.

2. Thực trạng phân phối chương trình đào tạo đối với sinh viên khoá ĐH 50 Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Bảng 2. Thực trạng phân phối chương trình đào tạo sinh viên khoá Đại học 50 ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

TT	Nội dung	Năm 1		Năm 2		Năm 3		năm 4		Tổng			
		Số môn	Số tiết	Số môn	Số tiết	Số môn	Số tiết	Số môn	Số tiết	Số môn	%	Số tiết	%
1	Lý thuyết	4	315	10	510	8	540	9	375	31	57.40	1740	50.58
2	Thực hành	4	410	4	330	8	540	7	420	23	42.50	1700	49.42

Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: Số lượng môn học và tỷ lệ các môn học lý thuyết trong chương trình học của khoá ĐH 50 Ngành GDTC cao hơn so với các môn thực hành, cụ thể: Lý thuyết có tổng cộng 31 môn chiếm 57.4%, trong khi đó thực hành chỉ có 23 môn, chiếm 42.5%. Như vậy có thể thấy rằng kết quả học tập các môn lý thuyết sẽ ảnh hưởng rất lớn tới kết quả học tập chung của sinh viên khoá ĐH 50 Ngành GDTC. Do vậy, cần thiết phải có các biện pháp phù hợp, ứng dụng vào thực tiễn để nâng cao hơn kết quả học tập lý thuyết, qua đó nâng cao hơn kết quả học tập chung cho sinh viên khoá ĐH 50 Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Để đánh giá được thực trạng phân phối chương trình đào tạo đối với sinh viên khoá ĐH 50 ngành GDTC trường ĐH TDTT Bắc Ninh, đề tài tiến hành phân tích chương trình học tập của khoá ĐH 50 ngành GDTC theo kế hoạch hoạch đào tạo Đại học chính quy ngành GDTC (mã số: 51.140.206) ban hành theo Quyết định số: 283b/QĐ-ĐHBN-ĐT ngày 20/06/2010) của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, kết quả thu được trình bày ở bảng 2.

3. Thực trạng nguyên nhân ảnh hưởng tới việc học các môn lý thuyết của sinh viên khoá ĐH 50 Ngành GDTC

3.1. Thực trạng sử dụng thời gian tự học của sinh viên khoá ĐH 50 Ngành GDTC.

Để xác định được thực trạng này, đề tài tiến hành phỏng vấn đối với 428 sinh viên khoá ĐH 50 Ngành GDTC về các vấn đề liên quan. Kết quả phỏng vấn cho thấy, đa số sinh viên sử dụng thời gian cho việc tự học và tập luyện các môn thực hành cao (70.09%), số sinh viên dành thời gian tự học tập các môn lý thuyết lại chiếm tỷ lệ rất ít (18.69%), còn lại rất nhiều sinh viên sử dụng thời gian tự học vào các hoạt động khác ngoài học tập. Đây chính là một trong những

nguyên nhân dẫn đến kết quả học tập các môn lý thuyết của sinh viên khóa ĐH 50 Ngành GDTC còn hạn chế.

Tiếp đến chúng tôi tiến hành phỏng vấn sinh

viên khóa ĐH 50 Ngành GDTC để tìm những hiểu nguyên nhân của việc sử dụng thời gian chưa hợp lý cho việc học tập lý thuyết. Kết quả thu được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng các nguyên nhân làm hạn chế việc sử dụng thời gian tự học của sinh viên khóa ĐH 50 Ngành GDTC (n=428)

TT	Nguyên nhân	Ý kiến tán thành	
		n= 428	%
1	Không nhận thức được ý nghĩa và vai trò của môn học	130	30.37
2	Bài học, môn học không hấp dẫn	80	18.69
3	Không có nhu cầu tìm hiểu sâu kiến thức	50	11.68
4	Không có thói quen tự đọc sách	220	51.40
5	Không có phương pháp tự học	250	58.41
6	Không thấy kết quả gì khi tự học	235	54.91
7	Không có phong trào tự học	225	52.57
8	Không bị sức ép phải tự học	215	50.23
9	Giáo viên không khách quan khi chấm điểm	45	10.51
10	Mệt mỏi, buồn ngủ khi học	255	59.58
11	Thói quen vận động lười ỉn	60	14.02
12	Bận các công việc khác	35	8.18
13	Yêu cầu của giáo viên quá cao	220	51.40
14	Yêu cầu của giáo viên quá thấp	215	50.23
15	Bê tắc, tự ti về khả năng tự học của mình	250	58.41
16	Thờ ơ với việc tự học	220	51.40
17	Không có tài liệu học tập	65	15.19
18	Không có địa điểm học tập thuận lợi	75	17.52
19	Không phải chuẩn bị cho phát biểu trên lớp để nhận điểm tốt	40	9.35
20	Không có ý thức phấn đấu để khẳng định năng lực bản thân	45	10.51

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, có 10 nguyên nhân chính ảnh hưởng lớn tới việc sử dụng thời gian tự học của sinh viên. Với số ý kiến tán thành chiếm tỷ lệ từ 50% trở lên là: Không có thói quen tự đọc sách, không có phương pháp tự học, không thấy kết quả gì khi tự học, không có phong trào tự học, không bị sức ép phải tự học, mệt mỏi, buồn ngủ khi học, yêu cầu của giáo viên quá cao, yêu cầu của giáo viên quá thấp, bê tắc, tự ti về khả năng tự học của mình, thờ ơ với việc tự học.

3.2. Thực trạng nhận thức đối với việc tự học các môn lý thuyết của sinh viên khóa ĐH 50 Ngành GDTC.

Trong xu thế hiện nay, hoạt động tự học đã trở thành một phần cơ bản đối với hoạt động học tập, đặc biệt là đối với sinh viên các trường Đại học. Ngoài việc tiếp nhận những thông tin mà giảng viên cung cấp trên lớp thì sinh viên cần

phải chủ động tham khảo tài liệu để tích lũy thêm tri thức, mở rộng vốn hiểu biết của mình. Muốn vậy sinh viên phải có nhận thức đúng đắn về vấn đề tự học để nâng cao kết quả học tập nói chung cũng như các môn lý thuyết nói riêng.

Thông qua việc phỏng vấn sinh viên về thực trạng nhận thức với việc tự học các môn lý thuyết khóa ĐH 50 Ngành GDTC, chúng tôi thu được kết quả như trình bày ở bảng 4.

Kết quả thu được ở bảng 4 cho thấy: Số lượng sinh viên hứng thú với việc học lý thuyết chiếm tỷ lệ thấp (23.36%), nguyên nhân là do nhận thức của sinh viên đối với việc học lý thuyết chưa đầy đủ: 16.69 % sinh viên cho rằng việc học lý thuyết là không cần thiết, 46.26% cho rằng bình thường; chỉ có 15.42% sinh viên xác định mục đích học tập lý thuyết để nâng cao trình độ, và 45.81% sinh viên chỉ cần học để hoàn thành môn học. Thực trạng này nếu không



Tăng cường dụng cụ trực quan là một trong những yếu tố giúp nâng cao hứng thú học tập của sinh viên trong giờ học lý thuyết. Ảnh: Giờ học lý thuyết môn Sinh lý học Thể dục thể thao tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Bảng 4. Thực trạng nhận thức đối với việc tự học các môn lý thuyết của sinh viên khóa ĐH 50 Ngành GDTC (nam = 355, nữ = 73)

TT	Nội dung		Nam		Nữ		Tổng	
			m _i	%	m _i	%	m _i	%
1	Mức độ hứng thú với việc học lý thuyết	Thích học	80	22.54	20	27.40	100	23.36
		Bình thường	198	55.77	40	54.79	238	55.61
		Không thích	77	21.69	13	17.81	90	21.03
2	Đánh giá về sự cần thiết của việc học lý thuyết	Cần thiết	125	35.21	25	34.25	150	35.05
		Bình thường	160	45.07	38	52.05	198	46.26
		Không cần thiết	70	19.72	10	13.70	80	18.69
3	Mục đích tự học lý thuyết	Đạt điểm cao	175	49.30	39	53.42	214	50.00
		Nâng cao trình độ	60	16.90	6	8.22	66	15.42
		Không nợ môn	160	47.07	36	49.31	196	45.81

có những biện pháp khắc phục, uốn nắn ngay, chắc chắn sẽ ảnh hưởng xấu tới chất lượng học tập những năm tiếp theo của sinh viên.

4. Thực trạng đặc điểm giảng viên cơ hữu Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Để đánh giá thực trạng đặc điểm giảng viên cơ hữu trường Đại học TDTT Bắc Ninh, đề tài tiến hành phỏng vấn đối với 183 giảng viên của trường về các vấn đề liên quan. Đặc điểm giảng viên cơ hữu được trình bày ở bảng 5.

Kết quả khảo sát thu được ở bảng 5 cho thấy số lượng giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm tỷ lệ lớn với 114 giảng viên (62.2%), trong đó số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ là 24.6%.

Qua bảng trên có thể nhận thấy, đa phần giảng viên có chuyên môn đào tạo thuộc lĩnh vực TDTT với 153 giảng viên, chiếm 83.6%. Còn lại là các giảng viên được đào tạo chuyên môn về chính trị 2.7%, công nghệ thông tin 1.1%, giáo dục học 2.2%, ngoại ngữ 4.4%, tâm lý 2.7%, toán 1.6%.

Bảng 5. Thực trạng đặc điểm giảng viên cơ hữu Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=183)

TT	Nội dung		Kết quả	
			m _i	%
1	Trình độ	PGS, GS, TS	45	24.60
		Thạc sĩ	114	62.20
		Cử nhân	24	13.10
2	Chuyên môn được đào tạo	Chính trị	5	2.70
		Công nghệ TT	2	1.10
		GD Học	4	2.20
		Ngoại ngữ	8	4.40
		Tâm lý	5	2.70
		TDTT	153	83.60
		Toán	3	1.60
3	Khối kiến thức giảng dạy	Đại cương	54	29.50
		Chuyên sâu	183	100.00

Như vậy có thể nhận định rằng đội ngũ giảng viên Trường Đại học TDDT Bắc Ninh đảm bảo chất lượng phục vụ đào tạo. Đây là một yếu tố giúp công tác đào tạo của Nhà trường luôn có uy tín trong hệ thống các trường chuyên TDDT.

5. Đánh giá điều kiện cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập các môn lý thuyết của sinh viên khóa ĐH 50 Ngành GDTC

Cơ sở vật chất góp phần không nhỏ trong việc hỗ trợ cho giảng viên, sinh viên và tạo hứng thú cho sinh viên trong quá trình dạy và học các môn lý thuyết. Vì vậy, nhà trường cũng đã xây dựng và trang bị phòng học có đủ điều kiện và phương tiện cần thiết để phục vụ cho giảng dạy đạt chất lượng, duy trì và phát huy mối quan hệ thường xuyên với trung tâm thông tin thư viện, khai thác triệt để mạng internet trong việc tìm kiếm thông tin đáp ứng yêu cầu nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Ngoài ra, các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho việc dạy học như: máy vi tính, máy chiếu, bảng đĩa... đã được nhà trường quan tâm trang bị, các giảng viên sử dụng các thiết bị hiện đại trong giảng dạy đã trở thành thói quen, thường xuyên hơn. Bên cạnh đó, việc trang bị thêm thiết bị, tài liệu, sách tham khảo... cũng được nhà trường đẩy mạnh nhằm phục vụ tốt cho việc học của sinh viên. Với 29.3 ha, Trường Đại học TDDT Bắc Ninh là một trong những cơ sở đào tạo có diện tích đất đai phục vụ đào tạo lĩnh vực TDDT lớn nhất trong cả nước. Cùng với đó là các hệ thống giảng đường, máy chiếu, thư viện tiên tiến đáp ứng các yêu cầu của các sinh viên trong việc học tập và nghiên cứu.

Bảng 6. Đánh giá của sinh viên khóa ĐH 50 Ngành GDTC về mức độ đáp ứng của hệ thống cơ sở vật chất đối với việc học tập của sinh viên (n=428)

Giới tính	Số lượng	TL	Đáp ứng tốt	Bình thường	Không đảm bảo
Nam	355	m _i	250.00	85.00	20.00
		%	70.42	23.94	5.63
Nữ	73	m _i	60.00	12.00	1.00
		%	82.19	16.44	1.37

Kết quả phỏng vấn thu được ở bảng 6 cho thấy, hầu hết sinh viên được hỏi đều cho rằng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập

của sinh viên toàn trường khá tốt, trong đó có 70.42% sinh viên nam và 82.19% sinh viên nữ cho rằng hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng tốt cho việc học tập của sinh viên. Chỉ có 2.63% sinh viên nam và 1.37% sinh viên nữ cho rằng hệ thống cơ sở vật chất còn chưa đảm bảo.

KẾT LUẬN

- Khối lượng giờ lý thuyết trong chương trình đào tạo sinh viên khóa ĐH 50 ngành GDTC trường ĐH TDDT Bắc Ninh chiếm tỷ lệ cao, có ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập chung của sinh viên. Thực tế kết quả học tập các môn lý thuyết của sinh viên khóa ĐH 50 ngành GDTC còn hạn chế.

- Nguyên nhân hạn chế kết quả học tập chủ yếu là do: Sinh viên chưa nhận thức đầy đủ, đúng đắn về mục đích, ý nghĩa của việc học lý thuyết và việc sử dụng thời gian tự học còn chưa hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Như An (1999), *Phương pháp dạy học và giáo dục*, Nxb đại học quốc gia, Hà Nội.
2. Lộc Đình Cường (2002), *Nghiên cứu thực trạng vấn đề tự học các môn lý thuyết của sinh viên năm thứ nhất và thứ hai Trường ĐH TDDT I, Đề tài NCKH cấp cơ sở*, Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.
3. Nguyễn Hữu Châu (1998), *Sự phân loại các mục tiêu giáo dục và vấn đề đánh giá chất lượng giáo dục*, Nxb giáo dục, Hà Nội.
4. Trần Bá Hoàn (1991), *Đánh giá trong giáo dục, chương trình giáo trình Đại học*, Hà Nội.
5. Dương Thiệu Tống (1998), *Trắc nghiệm theo tiêu chí*, Nxb giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Đức Văn (1987), *Phương pháp thống kê trong TDDT*, Nxb TDDT, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 9/3/2017, Phản biện ngày 13/4/2017, duyệt in ngày 25/8/2017)